| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN G**<br>**TỈNH TIỀN GIANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập- Tự do- Hạnh phúc** |
| Số: 97/2018/QĐST-HNGĐ | *G, ngày 17 tháng 4 năm 2018* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 73/2018/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2018, giữa:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Quốc V, sinh năm 1988;

Trú tại: Ấp Kh, xã Đ, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Chị Trần Thị Ngọc A, sinh năm 1995;

Trú tại: Ấp Kh, xã Đ, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 58 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 09 tháng 4 năm 2018.

## XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 09 tháng 4 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Quốc V với chị Trần Thị Ngọc A.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về tình cảm: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Quốc V với chị Trần Thị Ngọc A.

- Về con chung: Anh Việt với chị A có 01 con chung tên là Nguyễn N, sinh ngày 03/01/2016, đang sống chung chị A. Anh V và chị A thỏa thuận, thống nhất giao cháu Nam cho chị A tiếp tục, trực tiếp nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Anh V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu N mỗi tháng 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng). Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu N tròn 18 tuổi.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Kể từ ngày chị A có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh V không thực hiện nghĩa vụ thì phải chịu lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

- Về án phí:

+ Anh V tự nguyện nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 39267 ngày 14/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, nên anh đã nộp xong án phí.

+ Chị A không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

*Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

**THẨM PHÁN**

***Nơi nhận:***
- VKSND huyện GCT;
- Chi cục THADS huyện GCT;
- Các đương sự;
- UBND xã Đ;
- Lưu hồ sơ, án văn./.

**Đỗ Thị Thu Ngoan**